

Số: /2023/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2023

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành khoản 4 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 2 Điều 71; khoản 6 Điều 74 và khoản 2 Điều 75 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cá nhân trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các tập thể, cá nhân ngoài ngành có thành tích đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ là các cơ quan, tổ chức, đơn vị do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp quản lý.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ là các cơ quan, tổ chức, đơn vị do các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ trực tiếp quản lý.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trong ngành là các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoạt động trong ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

4. Tập thể được xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 4. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với các đồng chí lãnh đạo Bộ.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho các cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị mình trực tiếp quản lý.

Điều 5. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”

1. Danh hiệu Cờ thi đua Bộ xét tặng cho các tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các cụm, khối thi đua, gồm: cụm, khối thi đua các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; cụm, khối thi đua các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cụm, khối thi đua các Hội, Hiệp hội ngành nghề hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (theo quyết định riêng).

Điều 6. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ quản lý.

Điều 7. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” cho các tập thể thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.

Điều 8. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn tại khoản 1, khoản 2 Điều 74 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xét tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.

Điều 9. Giấy khen của thủ trưởng cơ quan, đơn vị

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định tặng giấy khen cho cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- b) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất đóng góp vào sự phát triển chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định tặng giấy khen cho tập thể gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và không có cá nhân vi phạm kỷ luật;
- b) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất đóng góp vào sự phát triển chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định tặng giấy khen cho hộ gia đình gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp thành tích xuất sắc trong lĩnh vực do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý.

Điều 10. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”

Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” (sau đây viết tắt là Kỷ niệm chương) được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định tặng một lần cho cá nhân có quá trình cống hiến hoặc có công lao đóng góp cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam, cụ thể như sau:

1. Cá nhân công tác trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Cá nhân đang công tác hoặc đã nghỉ hưu có thời gian công tác trong ngành đủ 15 năm trở lên đối với nữ và đủ 20 năm trở lên đối với nam. Đối với cá nhân chuyển công tác vào ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tổng thời gian công tác đủ 15 năm trở lên đối với nữ, đủ 20 năm trở lên đối với nam, trong đó có thời gian công tác trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đủ 07 năm đối với nữ và đủ 10 năm đối với nam;

b) Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Lãnh đạo vụ, cục, viện và tương đương các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ có thời gian giữ chức vụ lãnh đạo từ đủ 05 năm trở lên đối với cấp trưởng, đủ 07 năm trở lên đối với cấp phó;

d) Cá nhân đang công tác trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được phong tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Giáo sư”, “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Phó Giáo sư”, “Nhà giáo ưu tú”, “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ nhân ưu tú”;

đ) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) Hợp tác xã; chủ trang trại, chủ doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn liên tục đủ 10 năm trở lên.

2. Cá nhân ngoài ngành có thành tích đóng góp cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Cá nhân là người Việt Nam làm việc cho các tổ chức quốc tế hoặc người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Cá nhân là người nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định.

4. Các trường hợp không xét tặng Kỷ niệm chương

a) Cá nhân đã được tặng một trong những Huy chương hoặc Kỷ niệm chương: “Vì sự nghiệp phát triển Nông nghiệp”; “Vì sự nghiệp Bảo vệ và Phát triển rừng”; “Vì sự nghiệp phát triển ngành Thủy lợi Việt Nam”; “Vì sự nghiệp Nghề Cá”; “Vì sự phát triển ngành Thủy sản”;

b) Cá nhân trong quá trình công tác bị xử lý kỷ luật từ hình thức buộc thôi việc;

c) Cá nhân đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật, thời gian bị kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương;

d) Người đã tự ý bỏ việc khỏi, cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thành phần hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.

3. Nơi nhận hồ sơ

Các cơ quan, đơn vị gửi trình hồ sơ khen thưởng (gồm bản giấy và bản điện tử); bản giấy gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Tổ chức cán bộ), số 2, phố Ngọc Hà, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội; bản điện tử gửi vào email: thidukhenthuong@mard.gov.vn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thuộc, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; đánh giá thành tích và quyết định khen thưởng theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan

a) Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong kê khai báo cáo thành tích, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng; có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ các hiện vật khen thưởng;

c) Áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa trong kê khai, báo cáo thành tích, quản lý công tác thi đua, khen thưởng.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị truyền thông của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tuyên truyền chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, các gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt trong các phong trào thi đua; kịp thời phản ánh, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 08/2018/TT-BNNPTNT ngày 06/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội, Hiệp hội ngành nghề hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ban Thi đua khen thưởng Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ NN và PTNT;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ NN và PTNT;
- Công đoàn NN và PTNTVN;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Quốc Trị